

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 17/2019/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 14 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư; khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 tháng 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn bản;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 5585/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư; khoản kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, khu dân cư như sau:

1. Về chức danh, số lượng, mức phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Về chức danh:

Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;

Phó Chủ tịch Hội Nông dân (đối với xã, thị trấn thành lập Hội Nông dân);

Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ;

Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;

Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

Phó Trưởng Công an (đối với xã, thị trấn chưa bố trí lực lượng công an chính quy);

Phó Chỉ huy Trưởng quân sự;

Truyền thanh, tuyên truyền;

Chủ tịch Hội người cao tuổi;

Chủ tịch Hội chữ thập đỏ;

Trưởng ban Thanh tra nhân dân.

b) Về số lượng:

Cấp xã loại 1: 11 người; cấp xã loại 2: 09 người; cấp xã loại 3: 07 người.

Xã, phường, thị trấn được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng an ninh được bố trí thêm 01 chức danh Phó Chỉ huy Trưởng quân sự (do cán bộ, công chức cấp xã hoặc chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm).

c) Về mức phụ cấp (theo lần mức lương cơ sở/tháng)

Phó Chỉ huy Trưởng quân sự: 1,08;

Phó Trưởng công an: 1,08;

Các chức danh khác: 0,75.

2. Về chức danh, số lượng, mức phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở khu dân cư

a) Về chức danh, số lượng

Người hoạt động không chuyên trách ở khu dân cư được bố trí không quá 03 người, gồm 03 chức danh: Bí thư chi bộ; Trưởng khu dân cư; Trưởng Ban công tác mặt trận.

b) Về mức phụ cấp (*theo lần mức lương cơ sở/tháng*)

Khu dân cư loại 1: Bí thư chi bộ: 0,93; Trưởng khu dân cư: 0,93; Trưởng Ban công tác Mặt trận: 0,83.

Khu dân cư loại 2: Bí thư chi bộ: 0,85; Trưởng khu dân cư: 0,85; Trưởng Ban công tác Mặt trận: 0,75.

Khu dân cư loại 3: Bí thư chi bộ: 0,8; Trưởng khu dân cư: 0,8; Trưởng Ban công tác mặt trận: 0,7.

3. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

Chức danh không chuyên trách ở cấp xã, chức danh không chuyên trách ở khu dân cư được bố trí kiêm nhiệm, thì kiêm nhiệm chức danh nào được hưởng 50% mức phụ cấp của chức danh đó.

Điều 2. Khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở cấp xã và khoản kinh phí hoạt động đối với các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội người cao tuổi ở khu dân cư.

1. Khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở cấp xã (*theo lần mức lương cơ sở/tổ chức/tháng*)

a) Cấp xã loại 1: 0,45.

b) Cấp xã loại 2: 0,25.

c) Cấp xã loại 3: 0,1.

2. Khoản kinh phí hoạt động đối với các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội Người cao tuổi ở khu dân cư (*đồng/khu/năm*)

a) Khoản kinh phí hoạt động đối với khu không thuộc khu đặc biệt khó khăn: 11,6 triệu.

b) Khoản kinh phí hoạt động đối với khu đặc biệt khó khăn, khu thuộc xã đặc biệt khó khăn và xã ATK: 16,9 triệu.

Điều 3. Điều khoản chuyên tiếp

Trong thời gian chờ Chính phủ sửa đổi chính sách đối với chức danh Thôn đội trưởng, Công an viên, Nhân viên y tế khu, các chức danh của Ban bảo vệ dân phố, Tổ bảo vệ dân phố giữ nguyên mức chi trả hàng tháng hiện nay đối với các chức danh này (*theo lần mức lương cơ sở/tháng*), cụ thể:

1. Thôn đội trưởng: 0,5;

2. Công an viên thường trực tại trụ sở: 0,7;

3. Công an viên khu dân cư: 0,6;

4. Nhân viên y tế ở khu dân cư khó khăn, khu dân cư thuộc xã khó khăn và ATK: 0,5; Nhân viên y tế ở khu dân cư thuộc xã còn lại: 0,3;

5. Trưởng Ban bảo vệ dân phố: 0,17;

6. Phó trưởng Ban bảo vệ dân phố: 0,15;

7. Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố: 0,13;

8. Phó Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố: 0,11;

9. Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố: 0,1.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân loại khu dân cư trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn cụ thể việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí khoán hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã; các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội, Ban công tác Mặt trận, Chi hội Người cao tuổi ở khu dân cư và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XVIII, kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và thay thế các nghị quyết: Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư; hỗ trợ kinh phí hoạt động các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội ở khu đặc biệt khó khăn, khu thuộc xã đặc biệt khó khăn và an toàn khu; Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Trưởng Ban công tác Mặt trận và Chi hội trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở khu dân cư; Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Chi hội trưởng Hội người cao tuổi ở khu dân cư./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Công thông tin điện tử tỉnh;

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Bùi Minh Châu

- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, TH (ĐT.....b).